

Name: _____

jiào
叫
- to call
- to yell
- to be called

shén
什
- what
- mixed

me
么
- tender

míng
名
- name
- famous
- title

zì
字
- letter
- symbol
- character

tā
他
- him
- he
- other

tā
她
- she
- her

Name: _____

lǐ
李
- plum
- surname Li

1 2 3 4 5 6 7

dà
大
- big
- huge
- large

1 2 3

zhōng
中
- central
- center
- middle

1 2 3 4

wáng
王
- king
- ruler
- royal

1 2 3 4

xiǎo
小
- small
- tiny
- few

1 2 3

wén
文
- language
- culture
- writing

1 2 3 4

bái
白
- white
- snowy
- empty

1 2 3 4

Name: _____

wèi
卫
- to guard
- to protect
- to defend

1 2 3 4

mǎ
玛
- agate
- cornelian

1 2 3 4 5 6 7

lì
丽
- pretty
- elegant
- fine

1 2 3 4 5 6 7

